

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:10/2023/ DS-ST

Ngày 30/3/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Xuân Hải
2. Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Trường, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bộ, kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:139/2022/TLST-DS, ngày 28 tháng 10 năm 2022. Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:32/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐST-DS, ngày 23/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Xuân H, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 43, phố, thị trấn C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc B, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã Li, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo ông Dương Xuân H trình bày: Do có sự quen biết nhau từ trước, Vào ngày 12/8/2015 vợ chồng ông Trần Ngọc B và bà Nguyễn Thị M thôn C nay là thôn S xã Li có vay của ông số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) để giải quyết việc gia đình, sau khi vay ông bà B, M không trả được cho ông đồng nào, ông có đến đòi tiền nhiều lần thì ông B, bà M khát nản không trả, sau đó tuyên bố vỡ nợ nên không trả. Nay ông yêu cầu ông B, bà M trả

ông số tiền gốc là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng); Tiền lãi ông không yêu cầu trả lãi. Số tiền này là tiền làm ăn riêng của ông không liên quan đến bà Nguyễn Thị Th là vợ ông.

Tại bản khai của bà Nguyễn Thị Th trình bày bà là vợ ông H, việc ông H cho ông B, bà M vay tiền đây là tiền riêng của ông H, không liên quan đến bà nên bà từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

Quá trình thụ lý Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông B, bà M không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã đến nhà văn hóa thôn S nơi gia đình ông B, bà M thuê mở xưởng mộc để làm việc ông B có khai nhưng không ký biên bản có sự chứng kiến của công an viên thôn. Ông B trình bày, ông và ông H có quen biết nhau, vào ngày 12/8/2015 ông có vay của ông H số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 2 tháng, lãi xuất thỏa thuận bên ngoài 3.000đ/1 triệu/1 ngày, mục đích vay để kinh doanh nghề mộc, sau khi vay được 2 tháng đến hạn ngày 12/10/2015 ông đã trả ông H đầy đủ số tiền gốc và lãi theo thỏa th. Khi trả tiền chỉ có mình ông và ông H biết, ngoài ra không có ai biết, chứng kiến cả. Do tin tưởng ông H là chỗ quen biết nên ông không lấy lại giấy vay tiền. Nay ông H kiện đòi ông và bà M số tiền 350.000.000đ, không yêu cầu trả lãi. Vợ chồng ông không nhất trí trả bởi vì số tiền này vợ chồng ông đã trả hết cho ông H rồi. Ông có được Tòa án cho xem giấy vay tiền do ông H cung cấp cho Tòa án, ông khẳng định đúng là chữ ký trong giấy là chữ ký của vợ chồng ông.

Phía bà M Tòa án có đến làm việc nhưng bà M không khai báo gì và từ chối làm việc.

+ **Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn là ông B, bà M chưa chấp hành quy định của pháp luật, không đến làm việc, không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, không đến phiên tòa xét xử lần 1 mở vào ngày 23/3/2023, lần 2 vào ngày 30/3/2023.

+ **Về hướng giải quyết:** Căn cứ vào giấy vay tiền do ông H cung cấp, lời khai của ông B thừa nhận có vay số tiền trên nhưng đã trả, ông B, bà M không xuất trình được bất cứ giấy tờ gì chứng minh việc đã trả tiền cho ông H. Do vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông B, bà M phải có trách nhiệm trả cho ông H số tiền đã vay là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng); Về tiền lãi ông H không yêu cầu nên không xem xét.

Về tiền lãi chậm trả giai đoạn thi hành án, để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án cần áp dụng khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

Yêu cầu của ông H được chấp nhận, ông H không phải chịu tiền án phí, tiền tạm ứng án phí ông H thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Ông B, bà M phải chịu 17.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo các bên thực hiện theo quy định của bộ luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà.

Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Dương Xuân H khởi kiện đòi tiền ông Trần Ngọc B, bà Nguyễn Thị M, xác định quan hệ tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ Điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Ngọc B, bà Nguyễn Thị M.

[2] Về nội dung: Do có mối quan hệ quen biết nhau giữa ông H, ông B, bà M. Vào ngày 12/8/2015 ông B, bà M có vay của ông H số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 2 tháng; lãi xuất thỏa th bên ngoài, mục đ vay để kinh doanh nghề mộc và giải quyết công việc cho con. Đến hạn ông B, bà M không trả tiền cho ông H. Ông H đòi nhiều lần nhưng ông B, bà M khất lần không trả, nay ông H làm đơn khởi kiện yêu cầu ông B, bà M trả số tiền 350.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Sau khi thụ lý Toà án đã nhiều lần triệu tập, gửi các văn bản tố tụng cho ông B, bà M, nhưng ông B, bà M không đến làm việc. Toà án có đến gặp ông B, tại buổi làm việc có sự chứng kiến của công an viên thôn, ông B thừa nhận ngày 12/8/2015 vợ chồng ông có vay của ông Dương Xuân H số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) để kinh doanh nghề mộc, thời hạn vay 2 tháng, đến hạn ông đã trả toàn bộ tiền gốc và lãi cho ông H theo thỏa thuận, nhưng khi trả tiền do quen biết và tin tưởng ông H nên ông không lấy lại giấy vay tiền, nay ông H kiện đòi tiền ông không đồng ý trả và cho rằng thời hiệu khởi kiện đến nay đã hết, Toà án có yêu cầu ông cung cấp chứng cứ chứng minh việc trả tiền, ông không có chứng cứ gì chứng minh việc đã thanh toán trả tiền cho ông H.

Xét thấy tại phiên toà hôm nay ông B, bà M vắng mặt. Nhưng tại buổi làm việc có sự chứng kiến của chính quyền địa phương ông B sau khi được xem bản gốc giấy vay tiền do ông H cung cấp, ông thừa nhận có được vay ông H số tiền 350.000.000đ chữ ký trong giấy vay đúng là của vợ chồng ông, nhưng khi đến hạn trả tiền vợ chồng ông đã trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho ông H. Do tin tưởng ông H là chỗ quen biết ông không lấy lại giấy vay nợ, việc ông trả tiền cũng không có ai chứng kiến ông không cung cấp được bất cứ chứng cứ tài liệu gì chứng minh việc đã trả tiền cho ông H. Xét thấy lời khai của ông B về việc đã trả tiền cho ông H là không có căn cứ. Bởi lẽ về nguyên tắc khi vay tiền có viết giấy nợ thì khi trả tiền ông phải lấy lại giấy. Nay ông bảo đã trả tiền nhưng không lấy lại giấy vay nợ đây là lỗi của ông, ông cũng không cung cấp được bất cứ chứng cứ gì chứng minh việc đã trả tiền cho ông H do vậy.

HĐXX Căn cứ giấy vay nợ do ông H cung cấp, phù hợp với lời khai của ông H, Khẳng định việc vợ chồng ông B, bà M vay số tiền 350.000.000đ của ông Dương Xuân H ngày 12/8/2015 đến nay chưa trả là có căn cứ. Trong giấy vay tiền có cả chữ ký của cả ông B, bà M. Do vậy ông H khởi kiện đòi tiền ông B, bà M là có căn cứ chấp nhận đơn khởi của ông H cần buộc ông B, bà M phải có trách nhiệm trả ông H số tiền đã vay là 350.000.000đ; Về tiền lãi ông H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án: Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án. Kể từ sau ngày xét xử ngoài số tiền phải trả bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về tiền án phí, yêu cầu của ông H được chấp nhận nên ông H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông H thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn tiền tạm ứng án phí.

Ông B, bà M phải chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật: Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điểm b, khoản 2, điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463; Điều 466; Điều 288; khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân H.

Xử buộc ông Trần Ngọc B và bà Nguyễn Thị M liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Dương Xuân H số tiền vay là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ sau ngày xét xử ngoài số tiền phải trả bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về tiền án phí: Ông B, bà M phải chịu 17.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo. Dương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- THA huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh